

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ

Áp dụng từ ngày 10/04/2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 0304/QĐ_YKSG ngày 03/04/2026
của Phòng khám đa khoa Y khoa Sài Gòn)

STT	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ BHYT	GIÁ DỊCH VỤ
	1. KHÁM BỆNH			
1	Khám Da liễu	Lần	36,500	100,000
2	Khám Mắt	Lần	36,500	100,000
3	Khám Ngoại tổng hợp	Lần	36,500	100,000
4	Khám Nhi	Lần	36,500	100,000
5	Khám Nội tổng hợp	Lần	36,500	100,000
6	Khám Phụ sản	Lần	36,500	100,000
7	Khám Răng Hàm Mặt	Lần	36,500	100,000
8	Khám Tai Mũi Họng	Lần	36,500	100,000
9	Khám Y học cổ truyền	Lần	36,500	100,000
	2. XÉT NGHIỆM			
10	Nhóm Máu ABO	Lần	-	80,000
11	Nhóm Máu ABO + Rh	Lần	-	140,000
12	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	49,700	90,000
13	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Lần	-	35,000
14	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	Lần	67,300	130,000
15	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	Lần	61,700	130,000
16	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	Lần	30,200	120,000
17	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	22,400	45,000
18	Định lượng Albumin [Máu]	Lần	22,400	45,000
19	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	Lần	-	45,000
20	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Lần	22,400	45,000
21	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Lần	22,400	45,000
22	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	Lần	13,400	60,000
23	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Lần	28,000	52,000
24	Định lượng Creatinin (máu)	Lần	22,400	45,000
25	Định lượng Globulin [Máu]	Lần	22,400	45,000
26	Định lượng Glucose [Máu]	Lần	22,400	45,000
27	Định lượng HbA1c [Máu]	Lần	105,300	170,000
28	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	28,000	52,000
29	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	-	60,000
30	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Lần	22,400	45,000
31	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Lần	28,000	52,000
32	Định lượng Urê máu [Máu]	Lần	22,400	45,000
33	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	22,400	45,000
34	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Lần	22,400	45,000
35	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	22,400	45,000
36	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	Lần	20,000	45,000
37	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Lần	28,600	55,000
	3. SIÊU ÂM			
38	doppler động mạch cảnh, doppler xuyên sọ	Lần	252,300	300,000
39	Siêu âm các tuyến nước bọt	Lần	58,600	130,000
40	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch	Lần	252,300	300,000
41	Siêu Âm Đàn Hồi Gan Fibroscan	Lần	-	350,000
42	Siêu âm đàn hồi mô vú	Lần	84,800	350,000
43	Siêu Âm Đàn Hồi Tuyến Giáp	Lần	-	350,000

STT	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ BHYT	GIÁ DỊCH VỤ
44	Siêu Âm Đo Độ Mờ Da Gáy	Lần	-	180,000
45	Siêu âm doppler động mạch thận	Lần	252,300	300,000
46	Siêu âm doppler động mạch tử cung	Lần	252,300	300,000
47	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	Lần	252,300	300,000
48	Siêu âm doppler mạch máu	Lần	252,300	300,000
49	Siêu Âm Doppler Thai	Lần	-	250,000
50	Siêu âm doppler tim	Lần	252,300	300,000
51	Siêu âm doppler tim, van tim	Lần	252,300	300,000
52	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	Lần	252,300	300,000
53	Siêu âm doppler tuyến vú	Lần	89,300	250,000
54	Siêu âm dương vật	Lần	58,600	130,000
55	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Lần	58,600	130,000
56	Siêu Âm Khớp	Lần	-	130,000
57	Siêu âm màng phổi	Lần	58,600	130,000
58	Siêu Âm Mô Mềm	Lần	-	130,000
59	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Lần	58,600	130,000
60	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	Lần	58,600	130,000
61	Siêu Âm Song Thai Lớn	Lần	-	250,000
62	Siêu Âm Song Thai Nhỏ	Lần	-	220,000
63	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Lần	58,600	150,000
64	Siêu Âm Thai 4D	Lần	-	350,000
65	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	Lần	58,600	150,000
66	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	Lần	58,600	150,000
67	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	Lần	58,600	150,000
68	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	Lần	58,600	130,000
69	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	Lần	252,300	300,000
70	Siêu âm tinh hoàn hai bên	Lần	58,600	130,000
71	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	Lần	195,600	250,000
72	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Lần	58,600	130,000
73	Siêu âm tử cung phần phụ	Lần	58,600	130,000
74	Siêu âm tuyến giáp	Lần	58,600	150,000
75	Siêu âm tuyến vú hai bên	Lần	58,600	130,000
76	Siêu Âm Vùng Cổ	Lần	-	130,000
4. X QUANG				
77	Chụp X-quang Blondeau	Lần	73,300	120,000
78	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Lần	73,300	120,000
79	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Lần	105,300	150,000
80	Chụp X-quang cột sống cổ chệch hai bên	Lần	105,300	150,000
81	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	Lần	130,300	175,000
82	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Lần	105,300	150,000
83	Chụp X-quang cột sống cùng cột thẳng nghiêng	Lần	105,300	150,000
84	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chệch	Lần	105,300	150,000
85	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chệch hai bên	Lần	105,300	150,000
86	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze	Lần	73,300	120,000
87	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	Lần	105,300	150,000
88	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	Lần	105,300	150,000
89	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Lần	105,300	150,000
90	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn	Lần	73,300	120,000
91	Chụp X-quang hàm chệch một bên	Lần	73,300	120,000
92	Chụp X-quang Hirtz	Lần	73,300	120,000
93	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	Lần	105,300	150,000
94	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chệch hai bên	Lần	130,300	175,000
95	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chệch	Lần	105,300	150,000
96	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	Lần	73,300	120,000
97	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên	Lần	73,300	120,000
98	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	Lần	73,300	120,000

STT	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ BHYT	GIÁ DỊCH VỤ
99	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	105,300	150,000
100	Chụp X-quang khớp thái dương hàm	Lần	73,300	120,000
101	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	Lần	105,300	150,000
102	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch	Lần	73,300	120,000
103	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Lần	73,300	120,000
104	Chụp X-quang khung chậu thẳng	Lần	73,300	120,000
105	Chụp X-quang mòm trâm	Lần	73,300	120,000
106	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	Lần	73,300	120,000
107	Chụp X-quang ngực thẳng	Lần	73,300	120,000
108	Chụp X-quang Schuller	Lần	73,300	120,000
109	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	Lần	105,300	150,000
110	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến	Lần	73,300	120,000
111	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	105,300	150,000
112	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	105,300	150,000
113	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Lần	105,300	150,000
114	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Lần	105,300	150,000
115	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Lần	105,300	150,000
116	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Lần	105,300	150,000
117	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	Lần	73,300	120,000
118	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	105,300	150,000
119	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	105,300	150,000
120	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch	Lần	73,300	120,000
121	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Lần	105,300	150,000
122	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	Lần	105,300	150,000
123	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	Lần	105,300	150,000
	5. ĐIỆN TIM			
124	Điện tim thường	Lần	39,900	80,000
125	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Lần	-	80,000
126	Holter điện tâm đồ	Lần	215,800	500,000
127	Holter điện tâm đồ 3 ngày	Lần	-	1,990,000
128	Holter điện tâm đồ 5 ngày	Lần	-	2,390,000
129	Holter điện tâm đồ 7 ngày	Lần	-	2,790,000
130	Holter huyết áp	Lần	215,800	500,000
	6. MẮT			
131	Bóc giả mạc	Lần	99,400	135,000
132	Bơm rửa lệ đạo	Lần	41,200	100,000
133	Cấp cứu bong mắt ban đầu	Lần	344,200	445,000
134	Cắt bỏ chớp có bọc	Lần	85,500	585,000
135	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	Lần	40,300	100,000
136	Cắt chỉ khâu giác mạc	Lần	40,300	100,000
137	Cắt chỉ khâu kết mạc	Lần	40,300	100,000
138	Đo độ lác	Lần	77,000	87,000
139	Khâu cò mi, tháo cò	Lần	452,400	850,000
140	Khâu da mi đơn giản	Lần	897,100	1,097,000
141	Khâu phục hồi bờ mi	Lần	813,600	1,000,000
142	Lấy calci kết mạc	Lần	40,900	240,000
143	Lấy Dịch Vật Giác Mạc Nông 1 Mắt	Lần	-	200,000
144	Lấy dịch vật kết mạc	Lần	71,500	130,000
145	Lấy Dịch Vật Mắt	Lần	-	100,000
146	Lấy Dịch Vật Mô Mềm	Lần	-	60,000
147	Lấy máu làm huyết thanh	Lần	69,000	69,000
148	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Lần	40,900	100,000
149	Rạch áp xe mi	Lần	218,500	250,000
150	Rạch áp xe túi lệ	Lần	218,500	300,000
151	Rửa cùng đồ	Lần	48,300	100,000
152	Rửa Mắt	Lần	-	55,000
153	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Lần	60,000	105,000

STT	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ BHYT	GIÁ DỊCH VỤ
154	Soi đáy mắt bằng Schepens	Lần	60,000	105,000
155	Soi đáy mắt trực tiếp	Lần	60,000	105,000
156	Soi góc tiền phòng	Lần	60,000	105,000
157	Tập nhược thị	Lần	43,600	80,000
158	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	Lần	130,900	150,000
159	Tiêm cạnh nhãn cầu	Lần	55,000	250,000
160	Tiêm dưới kết mạc	Lần	55,000	200,000
161	Tiêm hậu nhãn cầu	Lần	55,000	250,000
162	Xác định sơ đồ song thị	Lần	77,000	87,000
163	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Lần	1,043,500	1,100,000
	7. RĂNG HÀM MẶT			
164	Cắt Lợi Trùm	Lần	-	200,000
165	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Lần	178,900	300,000
166	Đệm Hàm	Lần	-	200,000
167	Điều trị đông cuống răng bằng Canxi Hydroxit	Lần	493,500	1,000,000
168	Điều trị đông cuống răng bằng MTA	Lần	493,500	1,000,000
169	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Lần	380,100	500,000
170	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	Lần	280,500	300,000
171	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Lần	280,500	300,000
172	Điều Trị Tủy Răng Sữa	Lần	-	500,000
173	Điều trị tủy răng sữa	Lần	415,500	500,000
174	Hàm khung kim loại	Lần	-	1,000,000
175	Lấy cao răng	Lần	159,100	200,000
176	Lấy dị vật hạ họng	Lần	43,100	160,000
177	Nhổ chân răng sữa	Lần	46,600	100,000
178	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Lần	217,200	400,000
179	Nhổ răng sữa	Lần	46,600	100,000
180	Nhổ răng vĩnh viễn	Lần	239,500	400,000
181	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Lần	110,600	150,000
182	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Lần	369,500	400,000
183	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	Lần	369,500	400,000
184	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	Lần	245,500	290,000
185	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	Lần	245,500	290,000
186	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	Lần	245,500	290,000
	8. TAI MŨI HỌNG			
187	Cắt Nang Nhầy	Lần	-	800,000
188	Lấy Dị Vật Mũi Dễ	Lần	-	100,000
189	Lấy Dị Vật Mũi Khó	Lần	-	160,000
190	Lấy Dị Vật Tai Dễ	Lần	-	100,000
191	Lấy Dị Vật Tai Khó	Lần	-	160,000
192	Nhét Meche Mũi Sau	Lần	-	250,000
193	Nhét Meche Mũi Trước	Lần	-	150,000
194	Rạch Áp-Xe Amidan	Lần	-	400,000
195	Rạch Áp-Xe, Nhọt Ống Tai	Lần	-	300,000
196	Rạch Ép Tụ Dịch, Tụ Huyết Vành Tai	Lần	-	500,000
197	Rửa Mũi Bằng Phương Pháp Proetz	Lần	-	55,000
198	Rút Meche Mũi	Lần	-	100,000
	9. THỦ THUẬT			
199	Bóc nang tuyến Bartholin	Lần	-	1,800,000
200	Cầm Máu Mũi Bằng Merocel 1 Bên	Lần	-	250,000
201	Cầm Máu Mũi Bằng Merocel 2 Bên	Lần	-	450,000
202	Cắt chỉ sau phẫu thuật	Lần	-	100,000
203	Cắt chỉ sau phẫu thuật (Đơn giản)	Lần	-	80,000
204	Cắt kẹp bao quy đầu	Lần	-	1,500,000
205	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Lần	58,400	88,000
206	Đặt ống thông dạ dày	Lần	101,800	190,000
207	Đặt sonde bàng quang	Lần	101,800	195,000

STT	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ BHYT	GIÁ DỊCH VỤ
208	Khâu Vết Thương Đơn Giản	Lần	-	350,000
209	Khâu Vết Thương Phức Tạp	Lần	-	500,000
210	Khí dung mũi họng	Lần	27,500	35,000
211	Khí dung thuốc cấp cứu	Lần	27,500	35,000
212	Khí dung thuốc giãn phế quản	Lần	27,500	35,000
213	Làm thuốc âm đạo	Lần	-	20,000
214	Làm thuốc tai	Lần	22,000	50,000
215	Lấy dị vật âm đạo	Lần	653,700	813,000
216	Lấy dị vật họng miệng	Lần	43,100	160,000
217	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	Lần	376,500	780,000
218	Phun Khí Dung	Lần	-	35,000
219	Phương pháp Proetz	Lần	69,300	100,000
220	Rạch Abces	Lần	-	300,000
221	Rạch Chín Mé	Lần	-	300,000
222	Rửa Rốn	Lần	-	55,000
223	Rút Thông Tiểu	Lần	-	100,000
224	Soi cổ tử cung	Lần	68,100	200,000
225	Thay băng vết mổ	Lần	-	80,000
226	Thay băng vết mổ (Đơn giản)	Lần	-	60,000
227	Thay băng vết mổ (Phức tạp)	Lần	-	100,000
228	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	Lần	275,600	350,000
229	Thông tiểu	Lần	101,800	200,000
230	Tiểu Phẫu Lấy Dị Vật Phần Mềm Đơn Giản	Lần	-	200,000
231	Tiểu Phẫu Lấy Dị Vật Phần Mềm Phức Tạp	Lần	-	400,000
232	Tiểu Phẫu Rạch Áp Xe Phần Mềm (Lớn)	Lần	-	400,000
233	Tiểu Phẫu Rạch Áp Xe Phần Mềm (Nhỏ)	Lần	-	200,000
234	Tiểu Phẫu Rạch Áp Xe Phần Mềm (Phức tạp)	Lần	-	500,000
235	Tiểu Phẫu Rạch Áp Xe Phần Mềm (Vừa)	Lần	-	300,000
236	Trích áp xe tăng sinh môn	Lần	873,000	1,250,000
237	Truyền tĩnh mạch	Lần	25,100	150,000
238	Tuột Bao Quy Đầu	Lần	-	50,000
239	Vệ Sinh Phụ Khoa	Lần	-	100,000
10. Y HỌC CỔ TRUYỀN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
240	Cứu	Lần	36,100	46,000
241	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Lần	37,000	46,000
242	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Lần	37,000	46,000
243	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	Lần	37,000	46,000
244	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Lần	37,000	37,000
245	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Lần	37,000	46,000
246	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Lần	37,000	46,000
247	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	Lần	37,000	46,000
248	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	Lần	37,000	46,000
249	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	Lần	37,000	46,000
250	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Lần	37,000	46,000
251	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	Lần	37,000	46,000
252	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Lần	37,000	46,000
253	Cứu điều trị nấc thể hàn	Lần	37,000	46,000
254	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần	37,000	46,000
255	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Lần	37,000	46,000
256	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	Lần	37,000	46,000
257	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Lần	37,000	46,000
258	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Lần	37,000	46,000
259	Điện châm	Lần	78,300	79,000
260	Điện châm điều trị cảm mạo	Lần	78,300	79,000
261	Điện châm điều trị chắp lẹo	Lần	78,300	79,000
262	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	Lần	78,300	79,000
263	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	78,300	79,000

STT	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ BHYT	GIÁ DỊCH VỤ
264	Điện châm điều trị đau hồ mắt	Lần	78,300	79,000
265	Điện châm điều trị đau răng	Lần	78,300	79,000
266	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần	78,300	79,000
267	Điện châm điều trị giảm đau do zona	Lần	78,300	79,000
268	Điện châm điều trị giảm khúu giác	Lần	78,300	79,000
269	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	78,300	79,000
270	Điện châm điều trị hội chứng stress	Lần	78,300	79,000
271	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	78,300	79,000
272	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Lần	78,300	79,000
273	Điện châm điều trị khản tiếng	Lần	78,300	79,000
274	Điện châm điều trị lác cơ năng	Lần	78,300	79,000
275	Điện châm điều trị liệt chi trên	Lần	78,300	79,000
276	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	Lần	78,300	79,000
277	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	Lần	78,300	79,000
278	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	78,300	79,000
279	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	78,300	79,000
280	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần	78,300	79,000
281	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	78,300	79,000
282	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	78,300	79,000
283	Điện châm điều trị trĩ	Lần	78,300	79,000
284	Điện châm điều trị ù tai	Lần	78,300	79,000
285	Điện châm điều trị viêm Amidan	Lần	78,300	79,000
286	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Lần	78,300	79,000
287	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Lần	78,300	79,000
288	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	78,300	79,000
289	Điện mẫn châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	Lần	85,300	85,300
290	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	Lần	78,300	79,000
291	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	Lần	78,300	79,000
292	Giác hơi	Lần	36,700	46,000
293	Giác hơi điều trị các chứng đau	Lần	36,700	46,000
294	Giác hơi điều trị cảm cúm	Lần	36,700	46,000
295	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần	36,700	46,000
296	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	Lần	36,700	46,000
297	Hào châm	Lần	76,300	79,000
298	Kéo nắn cột sống cổ	Lần	54,800	54,800
299	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Lần	54,800	54,800
300	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	Lần	76,000	87,000
301	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần	76,000	87,000
302	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	Lần	76,000	87,000
303	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	Lần	76,000	87,000
304	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Lần	76,000	87,000
305	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Lần	76,000	87,000
306	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Lần	76,000	87,000
307	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	76,000	87,000
308	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	76,000	87,000
309	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Lần	76,000	87,000
310	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	76,000	87,000
311	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khúu giác	Lần	76,000	87,000
312	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	Lần	76,000	87,000
313	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Lần	76,000	87,000
314	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Lần	76,000	87,000
315	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Lần	76,000	87,000
316	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	76,000	87,000
317	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Lần	76,000	87,000
318	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần	76,000	87,000
319	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Lần	76,000	87,000

STT	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ BHYT	GIÁ DỊCH VỤ
320	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Lần	76,000	87,000
321	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Lần	76,000	87,000
322	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Lần	76,000	87,000
323	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Lần	76,000	87,000
324	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Lần	76,000	87,000
325	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Lần	76,000	87,000
326	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần	76,000	87,000
327	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần	76,000	87,000
328	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	76,000	87,000
329	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Lần	76,000	87,000
330	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	76,000	87,000
331	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	Lần	76,000	87,000
332	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	Lần	76,000	87,000
333	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Lần	76,000	87,000
334	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Lần	76,000	87,000
335	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	76,000	87,000
336	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	76,000	87,000
337	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần	76,000	87,000
338	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Lần	76,000	87,000
339	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	76,000	87,000
340	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	76,000	102,000
341	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	Lần	76,000	87,000
342	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần	76,000	102,000
343	Xông thuốc bằng máy	Lần	50,300	54,800

Ngày 03 tháng 04 năm 2026

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG

GIÁM ĐỐC



CAO ĐĂNG KHƯƠNG